

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, tiêu chuẩn được hưởng chế độ cử tuyển, việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển, việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người được cử tuyển vào đại học, cao đẳng và trung cấp.

Điều 2. Chế độ cử tuyển

1. Cử tuyển là việc tuyển sinh qua hoặc không qua thi hoặc xét tuyển vào đại học, cao đẳng và trung cấp để đào tạo cán bộ, công chức theo yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế; đào tạo viên chức theo nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của

đơn vị sự nghiệp công lập cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

2. Chế độ cử tuyển quy định tại Nghị định này bao gồm: tuyển sinh, tổ chức, kinh phí đào tạo cử tuyển; xét tuyển và bố trí việc làm; bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp không chấp hành cam kết.

Điều 3. Nguyên tắc cử tuyển

Việc thực hiện chế độ cử tuyển phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.
3. Cơ quan cử người đi học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển và bố trí việc làm cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển

1. Người học theo chế độ cử tuyển có những quyền sau đây:
 - a) Được thông tin đầy đủ về chế độ cử tuyển;
 - b) Được cấp học bổng, miễn học phí và hưởng các chế độ ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian đào tạo;
 - c) Được tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.
2. Người học theo chế độ cử tuyển có những nghĩa vụ sau đây:
 - a) Cam kết trước khi được cử tuyển và chấp hành sự cam kết với cơ quan cử đi học về việc bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp;
 - b) Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục; hoàn thành chương trình đào tạo theo ngành học do cơ quan cử đi học phân công;
 - c) Phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo nếu không chấp hành việc bố trí việc làm theo cam kết.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dân tộc thiểu số rất ít người là dân tộc có dân số dưới 10.000 người.

2. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chưa đạt theo quy định:

a) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 15% tổng số cán bộ, công chức cấp xã;

b) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 30% tổng số cán bộ, công chức cấp xã;

c) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 40% tổng số cán bộ, công chức cấp xã;

d) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 50% tổng số cán bộ, công chức cấp xã.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, TUYỂN CHỌN, TỔ CHỨC VÀ KINH PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 6. Đối tượng và chỉ tiêu cử tuyển

1. Đối tượng cử tuyển

a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số rất ít người;

b) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có đủ các điều kiện sau:

- Có hộ khẩu thường trú từ 5 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi, người nuôi dưỡng sống tại vùng này);

- Có thời gian học đủ 3 năm học và thi tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo hộ khẩu thường trú được cử tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp;

- Có thời gian học đủ 4 năm học và tốt nghiệp trung học cơ sở tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo hộ khẩu thường trú được cử tuyển vào trung cấp;

2. Chỉ tiêu cử tuyển

a) Chỉ tiêu cử tuyển được xác định theo từng năm, trong kế hoạch tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp của Nhà nước và được cơ quan có thẩm quyền giao theo từng ngành nghề, trình độ đào tạo;

b) Chỉ tiêu cử tuyển đối với đối tượng quy định tại mục b khoản 1 Điều này phải được giao riêng trong tổng chỉ tiêu cử tuyển giao hàng năm cho các địa phương, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 7. Tiêu chuẩn được hưởng chế độ cử tuyển

Người được hưởng chế độ cử tuyển phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với người được cử tuyển vào đại học, cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông đối với đối tượng được cử tuyển vào trung cấp (ưu tiên học sinh học tại trường phổ thông dân tộc nội trú); xếp loại hạnh kiểm năm cuối cấp (hoặc xếp loại rèn luyện năm cuối khóa) đạt loại khá trở lên; xếp loại học tập năm cuối cấp (hoặc cuối khóa) đạt loại khá trở lên với đối tượng được cử tuyển vào đại học, loại trung bình trở lên với đối tượng được cử tuyển vào cao đẳng, trung cấp. Ưu tiên người có kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trúng tuyển cao đẳng, trung cấp theo quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển.

3. Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

4. Không thuộc biên chế Nhà nước.

Điều 8. Tổ chức cử tuyển (ngoài cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an)

1. Quy trình tổ chức cử tuyển:

a) Hàng năm khi lập kế hoạch cử tuyển, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) báo cáo kết quả xét tuyển vào vị trí việc làm cho người học cử tuyển sau tốt nghiệp trong 05 năm liên tiếp liền kề năm kế hoạch. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế đối với vị trí việc làm là công chức; căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập đối với vị trí việc làm là viên chức; căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm với Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo thẩm quyền, chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc xét và giao chỉ tiêu cử tuyển cho Ủy ban nhân dân các tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tuyển chọn, đặt hàng dịch vụ giáo dục, đào tạo theo chế độ cử tuyển với các cơ sở đào tạo; quyết định cử người đi học theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định và chỉ tiêu được giao; báo cáo kết quả cử tuyển trình độ đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm với Bộ Giáo dục và Đào tạo, trình độ cao đẳng, trung cấp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng cử tuyển để thực hiện công tác cử tuyển. Thành phần Hội đồng cử tuyển gồm có: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ và Trưởng ban Dân tộc tỉnh; các thành viên khác gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Mặt trận Tổ quốc và Công an tỉnh.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo thẩm quyền, quy định thủ tục, hồ sơ đăng ký học theo chế độ cử tuyển.

Điều 9. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo dự bị đại học, cao đẳng

a) Người được cử tuyển để đào tạo trình độ đại học, cao đẳng là học sinh phổ thông phải học một năm dự bị tại trường dự bị đại học hoặc tại khoa dự bị đại học của các trường được phép đào tạo dự bị đại học. Việc tổ chức đào tạo và xét tuyển vào học chính thức tại các cơ sở giáo dục được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Sau khi kết thúc một năm học dự bị, nếu người học không đủ điều kiện tuyển vào học chính thức tại các cơ sở giáo dục thì được học lưu ban không quá một năm. Trong năm học lưu ban, người học được hưởng các quyền và thực hiện nghĩa vụ như năm học thứ nhất.

c) Người được cử tuyển có kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học, cao đẳng theo quy chế tuyển sinh tại năm xét đi học cử tuyển không phải học dự bị đại học, cao đẳng mà được chuyển ngay vào đào tạo chính thức.

2. Đào tạo chính thức

a) Khi học chính thức tại các cơ sở giáo dục, người học theo chế độ cử tuyển được đào tạo trong hệ thống giáo dục chính quy và bố trí học chung với các người học khác của cơ sở giáo dục theo ngành đào tạo;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ sở giáo dục quy định cụ thể thời gian tối đa sinh viên cử tuyển phải tốt nghiệp đại học, cao đẳng;

c) Việc tổ chức đào tạo, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 10. Kinh phí đào tạo cử tuyển

1. Kinh phí để đào tạo người học theo chế độ cử tuyển được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo hàng năm theo các quy định hiện hành.

Học bổng chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển do ngân sách địa phương bảo đảm và cấp trực tiếp cho người học theo chế độ học bổng chính sách của Nhà nước.

2. Kinh phí đào tạo người học theo chế độ cử tuyển do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chi trả trực tiếp cho các cơ sở giáo dục theo quy định về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

Điều 11. Cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

1. Bộ Quốc phòng căn cứ quy định tại Nghị định này hướng dẫn việc tổ chức cử tuyển, tổ chức đào tạo và cấp kinh phí đào tạo cử tuyển đối với các đối tượng, chỉ tiêu quy định tại Điều 6, đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 Nghị định này vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp do Bộ Quốc phòng quản lý để đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật cho Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Công an căn cứ quy định tại Nghị định này hướng dẫn việc tổ chức cử tuyển, tổ chức đào tạo và cấp kinh phí đào tạo cử tuyển đối với các đối tượng, chỉ tiêu quy định tại Điều 6, đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 Nghị định này vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp do Bộ Công an quản lý để đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật cho Bộ Công an.

Chương III

XÉT TUYỂN VÀ BỐ TRÍ VIỆC LÀM

Điều 12. Xét tuyển và bố trí việc làm cho người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp

1. Hàng năm, các cơ sở giáo dục gửi danh sách, bản giao hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học theo chế độ cử tuyển tốt nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển hoặc gửi hồ sơ tới các cơ quan, đơn vị dự kiến sử dụng để xét tuyển vào vị trí việc làm. Thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp.

3. Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ xét tuyển và bố trí việc làm theo quy định tại khoản 2 Điều này tối đa là 12 tháng, kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp.

Điều 13. Trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo:

1. Người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.

2. Người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.

Điều 14. Mức bồi hoàn và cách thức bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức bồi hoàn và cách thức bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học theo chế độ cử tuyển quy định tại Điều 13 của Nghị định.

Điều 15. Tiếp nhận, phân công công tác đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng

Bộ Công an và Bộ Quốc phòng căn cứ vào quy định tại Nghị định này, quy định cụ thể việc tiếp nhận, phân công công tác đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các Bộ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đào tạo và thực hiện các chế độ chính sách đối với người học cử tuyển trình độ đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đào tạo và thực hiện các chế độ chính sách đối với người học cử tuyển trình độ cao đẳng, trung cấp.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo thẩm quyền chỉ đạo thống nhất việc tuyển chọn, đào tạo, tiếp nhận, phân công công tác và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

4. Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn và bố trí ngân sách thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định tại Nghị định này.

5. Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sử dụng biên chế, quy hoạch đào tạo cán bộ của các địa phương, xét tuyển và bố trí việc làm đối với người học theo chế độ cử tuyển.

6. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các địa phương xác định phạm vi, mức độ của các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và việc phân vùng khu vực theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp chỉ tiêu cử tuyển do các Bộ, ngành, địa phương đề xuất để đưa vào kế hoạch hàng năm và 5 năm, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thông báo công khai kế hoạch cử tuyển trước 12 tháng tính đến thời gian nhận hồ sơ đăng ký cử tuyển trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh. Đảm bảo việc tuyển sinh đúng đối tượng, tiêu chuẩn, trình độ đào tạo khách quan, công bằng, minh bạch và chất lượng; chịu trách nhiệm về việc đề xuất chỉ tiêu, tuyển chọn, cử và quản lý người đi học; chỉ đạo tổ chức xét tuyển và bố trí việc làm đối với người học cử tuyển sau tốt nghiệp theo quy định.

2. Hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục để thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và bố trí ngân sách thực hiện. Yêu cầu người học theo chế độ cử tuyển ký các cam kết theo quy định của Nghị định này.

3. Hàng năm, tổ chức giao ban giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với cơ sở đào tạo và phụ huynh hoặc học sinh, sinh viên cử tuyển. Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc.

4. Có chính sách tạo nguồn tuyển sinh đối với các đối tượng cử tuyển quy định tại khoản 1 Điều 6 trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh các dân tộc này vào học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục

1. Tiếp nhận, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo người học theo chế độ cử tuyển và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định;

2. Định kỳ hàng năm thông báo cho cơ quan cử người đi học về kết quả học tập và rèn luyện của người học theo chế độ cử tuyển, thời gian tốt nghiệp đối với người học năm cuối khoá.

3. Bàn giao cho cơ quan cử người đi học hồ sơ của người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp hoặc trong trường hợp thôi học.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả đào tạo cử tuyển với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 19. Thanh tra, kiểm tra

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ sở giáo dục thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ cử tuyển theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). XH

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc